

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH S**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST
Ngày: 23/5/2019
V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH S**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Cận

2. Ông Trần Vĩnh Ảnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Phước Tài** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S.

Vào ngày 23 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trương Thị Y**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số 154, ấp A, xã G, huyện M, tỉnh S

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1966 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã G, huyện M, tỉnh S

Địa chỉ: Số 901/42, Q, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 02 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trương Thị Y trình bày:

Vào ngày 20/10/2016, bà có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị P làm chủ hụi tổng cộng 20 phần, có 130 người tham gia. Sau khi tham gia, bà đã đóng số tiền là 14.400.000 đồng. Đến năm 2017 bà P có trả được cho bà số tiền 500.000 đồng, còn nợ lại 13.900.000 đồng. Bà P hứa từ ngày 25/12/2018 mỗi năm sẽ trả cho bà số tiền 2.700.000 đồng, nhưng bà P không thực hiện theo thỏa thuận. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho bà số tiền còn nợ là 13.900.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà thừa nhận lời trình bày của bà Y là đúng và thừa nhận hiện bà còn nợ bà Y số tiền 13.900.000 đồng. Bà đồng ý trả số tiền này cho bà Y nhưng do hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả 13.900.000 đồng nên bà xin trả cho bà Y số tiền 7.000.000 đồng và sẽ trả đủ số tiền này trong vòng 03 năm.

Tại phiên tòa, bà Y không đồng ý với lời đề nghị của bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trương Thị Y khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị P có nơi cư trú tại phường H, thành phố S, tỉnh S trả số tiền đã nhận là 13.900.000 đồng. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án tranh chấp đòi lại tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh S.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 13.900.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 13.900.000 đồng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị P nợ của bà Trương Thị Y số tiền 13.900.000 đồng. Do bà P vi phạm cam kết trả nợ với bà Y nên việc bà Y yêu cầu bà P trả số tiền 13.900.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự 2015 nên được HĐXX chấp nhận. Bà P dù thừa nhận nợ nhưng cho rằng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chỉ xin trả

số tiền 7.000.000 đồng và thời hạn trả trong vòng 03 năm. Xét đề nghị này của bà P không được bà Y đồng ý và cũng không phù hợp với quy định pháp luật nên không được HĐXX chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ **khoản 2 Điều 26 Nghị** quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 13.900.000 đồng. Nguyên đơn bà Trương Thị Y không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: các Điều 166, 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Y. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị P trả cho nguyên đơn bà Trương Thị Y số tiền 13.900.000 (Mười ba triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà P còn phải trả số tiền lãi cho nguyên đơn theo lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí số tiền 695.000 (Sáu trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn bà Trương Thị Y không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 347.500 đồng theo biên lai thu số 0007310 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

3. Các đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP S;
- Chi cục THADS TP S;
- TAND tỉnh S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định